

Số: 233 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Hà Thịnh,
huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 40/BC-SXD ngày 17/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Hà Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tỷ lệ 1/500 (có bản vẽ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 kèm theo) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Ranh giới và phạm vi quy hoạch:

a) Vị trí khu đất, ranh giới: Nằm trên địa bàn 2 xã Hợp Thịnh và xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc: Giáp cánh đồng thôn Đại Mão, xã Đại Thành;

- + Phía Nam: Giáp trạm điện 500kV Hiệp Hòa;
- + Phía Đông: Giáp đường bê tông vào thôn Đại Mão, xã Đại Thành;
- + Phía Tây: Giáp cánh đồng thôn Đa Hội, xã Hợp Thịnh.

b) Quy mô đồ án: Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 50 ha.

c) Tính chất: Là Cụm công nghiệp nhẹ với các ngành nghề thu hút đầu tư chủ yếu: Dệt, may và các ngành công nghiệp hỗ trợ dệt may...

2. Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai - hạ tầng kỹ thuật:

a) Chỉ tiêu đất đai:

- Đất xây dựng nhà máy, kho tàng: $\geq 55\%$;
- Các khu kỹ thuật: $\geq 1\%$;
- Công trình hành chính dịch vụ: $\geq 1\%$;
- Giao thông: $\geq 8\%$;
- Cây xanh: $\geq 10\%$.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước: Tối thiểu 40 m³/ha/ngàyđêm;
- Thoát nước thải: $\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước;
- Cấp điện: 250 kW/ha.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích đất lập quy hoạch giai đoạn I		518.548,5	
A	Diện tích hành lang điện cao thế 500kv		19.356,6	
B	Diện tích thực hiện quy hoạch		499.191,9	100,0
1	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng	CN	368.570,2	73,8
2	Đất hành chính, dịch vụ	HC-DV	5.045,0	1,0
3	Đất cây xanh, mặt nước	CX, MN	66.426,0	13,3
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	KT	11.850,0	2,4
5	Đất giao thông		45.668,7	9,2
6	Đất bãi xe tĩnh	P	1.632,0	0,3

4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

Khu vực lập quy hoạch được xác định là Cụm công nghiệp. Vì vậy, quy hoạch sử dụng đất sẽ cân đối quỹ đất một cách hợp lý để bố trí các khu chức năng cần thiết và đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài.

- Khu nhà xưởng, nhà máy xí nghiệp được bố trí theo hướng Đông Bắc xuống Tây Nam, hai bên tuyến đường giao thông chính của Cụm công nghiệp;

- Khu hành chính dịch vụ, bãi đỗ xe được bố trí phía Đông Nam, ngay đầu lối vào của Cụm công nghiệp;

- Các khu cây xanh, mặt nước trong Cụm công nghiệp được bố trí tại các vị trí hợp lý, dọc theo đường dây 500kV và quanh các nhà xưởng sản xuất. Khu hồ nước, kỹ thuật được bố trí phía Nam của Cụm công nghiệp; Giữa các nhà máy lớn được bố trí các khu cây xanh tạo bóng mát cho toàn Cụm công nghiệp;

- Khu xử lý kỹ thuật của Cụm công nghiệp bao gồm: Trạm cấp nước, trạm xử lý nước thải, các bể nước, khu trung chuyển chất thải, khu kho chứa các sản phẩm lỗi... được đặt tại phía Nam của Cụm công nghiệp.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

* Đường giao thông đối ngoại:

- Mặt cắt (1-1) rộng 18m; trong đó: Lòng đường 12m; Hè đường mỗi bên $2 \times 3 = 6\text{m}$;

- Mặt cắt (1*-1*) rộng 16,5m.; trong đó: Lòng đường 10,5 m; Hè đường hai bên $2 \times 3 = 6\text{m}$.

* Đường giao thông Cụm công nghiệp:

- Mặt cắt (2-2) rộng 30m; trong đó: Lòng đường $2 \times 9 = 18\text{m}$; dải phân cách 2m; Hè đường $2 \times 5 = 10\text{m}$;

- Mặt cắt (3-3) rộng 22,5m; trong đó: Lòng đường 10,5m; Hè đường $2 \times 6 = 12\text{m}$;

- Mặt cắt (4- 4) rộng 79,2m; trong đó: Lòng đường $10,5\text{m} + 5,5\text{m} = 16\text{m}$; Mương thoát nước $6\text{m} + 3\text{m} = 9\text{m}$; Hè đường, cây xanh cách ly, hành lang đường điện 54,2m;

- Mặt cắt (5-5) rộng 17m; trong đó: Lòng đường 7m; Hè đường $2 \times 5 = 10\text{m}$;

- Mặt cắt (6-6) rộng 67,7m; trong đó: Lòng đường 10,5m; Mương Thoát nước $6\text{m} + 3\text{m} = 9\text{m}$; Hè đường, cây xanh cách ly, hành lang đường điện 48,2 m;

- Mặt cắt (7-7) rộng 24m; trong đó: Lòng đường 12m; Hè đường $2 \times 6 = 12\text{m}$.

b) San nền:

Căn cứ vào cao độ hiện trạng tại khu vực lập quy hoạch, thiết kế cao độ san nền trung bình +8,20m; trong đó: Cao độ thấp nhất là: +8,0 m, cao độ cao nhất là +8,4 m.

c) Thoát nước:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn.

** Hệ thống thoát nước mưa:*

- Hướng thoát nước chính được thoát theo hướng từ Bắc xuống Nam, sau đó ra hệ thống kênh mương tiêu Đại La và chảy ra sông Cầu;

- Mạng lưới thoát nước sử dụng hệ thống cống tròn BTCT D800 - D1500. Cống ngang thu nước qua đường sử dụng cống tròn BTCT D400. Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i = 1/D$. Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30 - 40 (m).

** Hệ thống thoát nước thải:*

- Mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải được thiết kế riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất trong Cụm công nghiệp được xử lý cục bộ sinh học, có thiết bị xử lý mùi hôi, xây dựng kín sau đó chảy tuần hoàn xung quanh các nhà máy để làm mát nhà máy trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung. Mạng lưới cống thu gom nước thải sử dụng cống tròn BTCT D300-D600, được thiết kế là các tuyến thoát nước tự chảy độ dốc tối thiểu $i = 1/D$;

- Nước thải được đưa về trạm xử lý nước thải với công suất 27.000m³/ngày;

- Nước thải khu sản xuất được xử lý cục bộ → cống thoát nước thải → trạm xử lý nước thải → mương B3000÷6000 → trạm quan trắc → thoát ra sông Cầu.

d) Cấp nước:

- Nguồn nước mặt được lấy từ sông Cầu qua trạm bơm công suất 50.000 m³/ngày, được vận chuyển về trạm xử lý nước sạch theo đường ống cấp nước thô HDPE D600;

- Trạm xử lý nước sạch được đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp, công suất 30.000 m³/ngày, đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất;

- Mạng lưới đường ống được tổ chức theo sơ đồ vòng kết hợp đường ống cụt;

- Căn cứ vào tính toán thủy lực mạng lưới cấp nước xác định được đường kính ống lớn nhất là D300 và nhỏ nhất là D75, đường ống được dùng là ống HDPE. Các tuyến ống được lắp đặt dọc theo đường nội bộ của Cụm công nghiệp; trên các tuyến đặt van chặn để tiện cho công tác quản lý;

- Giải pháp cấp nước chữa cháy: Chữa cháy áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hoả đến lấy nước tại các họng cứu hoả. Họng cấp nước cứu hoả được bố trí trên đường ống HDPE D110. Khoảng cách giữa các trụ cứu hoả từ 100m□150m đảm bảo bán kính phục vụ là 150m;

- Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu 0,6 m; qua đường là 0,8m.

e) Cấp điện:

- Nguồn điện: Từ trạm 500kV Hiệp Hòa qua lộ T500HH – 475;

- Lưới điện: Lưới điện 22kV hiện tại từ trạm 500kV Hiệp Hòa qua lộ T500HH - 475 đi qua khu vực thiết kế CCN có tiết diện hiện tại là 95mm²;

- Đường dây 22kV xây mới sử dụng đường trục dây dẫn cáp bọc 1 lõi AC/XLPE có tiết diện là 185mm² và rẽ nhánh vào trạm biến áp sử dụng dây dẫn AC/XLPE có tiết diện là 70 mm²;

- Lưới điện hạ thế sử dụng điện áp 0,4 kV ba pha bốn dây trung tính nổi đất, loại dây dẫn tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng của doanh nghiệp;

- Lưới điện chiếu sáng đèn đường trong khu sử dụng lưới điện đi ngầm. Trên trục đường chính, các đường nhánh trong khu vực sử dụng lưới điện chiếu sáng dùng tiết diện cáp chiếu sáng từ 16-25 mm²;

- Trạm biến áp: Xây dựng 10 trạm biến áp có tổng công suất 9.730 KVA, hệ thống đường điện hạ thế 0,4 KV đi ngầm dưới đất.

f) Chất thải rắn:

Toàn bộ chất thải rắn của Cụm công nghiệp sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ khả năng để thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

6. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng:

Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: đường giao thông, mạng lưới cấp điện, cấp thoát nước, trạm xử lý nước thải.

7. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 40/BC-SXD ngày 17/02/2017 của Sở Xây dựng.

Điều 2. Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà Thịnh), UBND huyện Hiệp Hòa có trách nhiệm tổ chức công bố, công khai, tuyên truyền và quản lý triển khai quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa, UBND xã Hợp Thịnh, UBND xã Đại Thành và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *N*

- Như điều 3;
- Lưu: VT, Nam.CN (2).

Bản điện tử:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TH, TPCNN,
- + Chuyên viên: ĐT, XD, GT, TN, MT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thái